TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 6 - 2024
V/v:"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lương Thị Anh

- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Văn Sơn

Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn.TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: Bà Trịnh Ngọc Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Đình Nhật M**, sinh năm 1991. Địa chỉ: B N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Công T,** sinh năm 1990. Địa chỉ: C A, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Toà án và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Công T kết hôn vào năm 2015, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau, Do tính chất

công việc ông T thường xuyên xa nhà nên không hỗ trợ gia đình về kinh tế, không quan tâm gì đến gia đình. Nay bà Minh xác đ không còn tình cảm yêu thương ông T nữa, bà yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 05/9/2016 và Nguyễn Công H, sinh ngày: 29/3/2020. Ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con Nguyễn Hoàng L và Nguyễn Công H, yêu cầu ông Nguyễn Công T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/ 02 con/ tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

* Bị đơn ông Nguyễn Công T trong suốt quá trình tố tụng đều vắng mặt nên không có ý kiến thể hiện hồ sơ.

* Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng về cơ bản Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS. Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền thụ lý vụ án, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo quy định của BLTTDS.

- Việc thu thập chứng cứ: Về cơ bản việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo đúng Điều 95 BLTTDS.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho VKS và người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 170, 171, 177, 178, 203, 205, 210 BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện nguyên tắc xét xử, thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định tại chương II, chương XIV BLTTDS. Thư ký được phân công đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Từ khi thụ lý cho đến thời điểm này, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng.

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam; căn cứ Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của bà Nguyễn Đình Nhật M đối với ông Nguyễn Công T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Đình Nhật M được ly hôn ông Nguyễn Công T.

- Về con chung: Đề nghị giao con Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 05/9/2016 và Nguyễn Công H, sinh ngày: 29/3/2020 cho bà Nguyễn Đình Nhật M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/ 02 con/ tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết, tranh chấp ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông.

[2] Về nội dung vụ án bà M và ông Nguyễn Công T kết hôn vào năm 2015, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bà Minh xác đ do quan điểm sống không hợp nhau nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau, Do tính chất công việc ông T thường xuyên xa nhà nên không hỗ trợ gia đình về kinh tế, không quan tâm gì đến gia đình. Nay bà Minh xác đ không còn tình cảm yêu thương ông T nữa, bà yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với ông T.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà M thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng có niềm tin và tình yêu, sự thông cảm và chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống nhưng đến nay cả hai ông bà đã không còn giữ được điều này. Trong thời gian mâu thuẫn từ 2023 đến nay vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cũng như không có giải pháp để cùng nhau dung hòa mâu thuẫn cải thiện lại quan hệ vợ chồng đã chấm dứt từ lâu. Khi bà M nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt thể hiện ý thức ông không chấp hành pháp luật cũng như bỏ mặc việc níu kéo đối với chính cuộc hôn nhân của mình. Do đó thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thấy có níu kéo cũng không đem lại kết quả gì nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M đối với ông T là phù hợp với điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà M và ông T có 02 con chung là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 05/9/2016 và Nguyễn Công H, sinh ngày: 29/3/2020. Ly hôn bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con Nguyễn Hoàng L và Nguyễn Công H, yêu cầu ông Nguyễn Công T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/ 02 con/ tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu xin được nuôi con của bà M thì thấy hiện nay cả 02 cháu L và H đều còn nhỏ và đang có cuộc sống sinh hoạt ổn định, thấy không nhất thiết phải thay đổi xáo trộn cuộc sống của cháu. Mặt khác cũng phù hợp ý kiến nguyện vọng của các cháu muốn được ở với mẹ nên yêu cầu xin được nuôi con của bà M là phù hợp Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận,

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì thấy hiện mức yêu cầu cấp dưỡng của bà M đối với ông T là 4.000.000đ/ 02 con/ tháng là phù hợp nên chấp nhận .

[5] Tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[6] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000đ bà Nguyễn Đình Nhật M phải chịu khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0001621 ngày 23 tháng 02 năm 2024.

Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ ông Nguyễn Công T phải chịu.

Xét đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" của bà Nguyễn Đình Nhật M đối với ông Nguyễn Công T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Đình Nhật M được ly hôn ông Nguyễn Công T (Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2015, quyển số 01/2015 ngày 30/6/2015 của UBND phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế không còn hiệu lực).

2. Về quan hệ con chung: Giao con Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 05/9/2016 và Nguyễn Công H, sinh ngày: 29/3/2020 cho bà Nguyễn Đình Nhật M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/ 02 con/ tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích chung của con các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung : Không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000đ bà Nguyễn Đình Nhật M phải chịu khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0001621 ngày 23 tháng 02 năm 2024.

Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ ông Nguyễn Công T phải chịu.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện KSND quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- UBND phường Thuận Hòa, thành phố Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Lương Thị Anh